| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 – ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **10/**2026/DS-ST
**Ngày: 23/01/2026.**
**V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC – ĐỒNG THÁP**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**1. Ông Tạ Công Minh**

**2. Ông Phùng Văn Long**

*Thư ký phiên tòa*: ông **Nguyễn Văn Đông**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2025/TLST-DS ngày 27/10/2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2025/QĐST-DS ngày 23/12/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-DS ngày 09/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Tháp giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông A** – sinh năm 1965;

Địa chỉ: ấp B, xã A, tỉnh Đ,

2. Bị đơn: **Ông H** – sinh năm 1966

Địa chỉ: ấp C, xã L, tỉnh Đ;

*(Ông A có mặt, ông H vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông A trình bày: ông và ông H là bạn bè có chạy xe ôm chung từ đó ông H có mượn tiền của ông số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 30/03/2020. Khi ông H mượn số tiền đó của ông H có hứa trả vào cuối tháng 04/2020, nhưng đến thời hạn trả thì ông H không thực hiện, ông H cố tình kéo dài thời gian không trả tiền cho ông. Số tiền ông cho H vay cũng là số tiền ông đi vay của người khác và pH chịu lãi hàng tháng. Ông đã nhiều lần đến gặp ông H yêu cầu trả tiền lại cho ông, nhưng ông H cứ hẹn nhưng không thực hiện trả nợ cho ông. Khi ông cho mượn

không có nói là sẽ tính lãi nhưng do ông H thất hứa với ông nhiều lần nên ông yêu cầu tính lãi với lãi suất 1,6% theo lãi suất nhà nước từ tháng 04/2020 đến nay là 68 tháng với số tiền 33.900.000 đồng. Tổng số tiền ông H pH trả cho ông là 63.900.000 đồng (trong đó tiền vốn gốc đã vay là 30.000.000đồng và tiền lãi 33.900.00 đồng. Tính từ thời điểm ông H mượn tiền của ông đến nay đã hơn 05 năm ông H vẫn chưa trả cho ông một đồng nào theo như giấy hẹn của ông H. Nhận thấy quyền lợi của ông bị xâm phạm nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H trả cho ông tổng số tiền 63.900.000 đồng (trong đó: Tiền vốn gốc là 30.000.000đồn và tiền lãi là 33.900.000 đồng). Yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật..

* Bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông A.

**Tại phiên Tòa hôm nay**

Nguyên đơn ông A yêu cầu ông H trả vốn gốc là 30.000.000 đồng và rút yêu cầu phần tiền lãi là 33.900.000 đồng. Yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông H vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên toà, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn ông H đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở: vì ông A có cho ông H vay số tiền là 30.000.000 đồng vào ngày 30/03/2020, với thời gian trả ghi trong biên nhận là nữa tháng trả 1.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông H không trả cho ông A số tiền vốn và tiền lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông A cung cấp tờ "giấy mượn tiền" ngày 30/3/2020 có chữ viết và chữ ký của ông H. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa ông A và ông H đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: tại phiên toà ông A rút lại yêu cầu tính tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng với số tiền là 33.900.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyên của ông A nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này của ông A.

[4] Về thời gian trả: ông A yêu cầu ông H trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của ông A là có cơ sở vì số tiền này ông H để kéo dài không trả cho ông A, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông A, nên cần buộc ông H trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

***Vì các lẽ trên***

## QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Xử:** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông A

Buộc ông H có trách nhiệm trả cho ông A số tiền **30.000.000** đồng (ba mươi triệu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu ông H trả tiền lãi là 33.900.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**Về án phí**: ông H pH chịu **1.500.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông A được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

Báo nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tống đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***
- TANDTĐT;
- VKSNDKV3-ĐT;
- PTHA.DSKV3-ĐT
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Văn Tuấn Anh**